

Số: /BVĐK-VTTBYT  
V/v mời cung cấp thông tin kỹ thuật, báo  
giá thiết bị, dụng cụ phẫu thuật nội soi

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị, dụng cụ phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

**2. Thông tin liên hệ (nếu cần):** Ông Nguyễn Quốc Hưng, phòng Vật tư - Thiết bị y tế, số điện thoại: 0911.187.925. (Chú ý: các đơn vị không gửi báo giá theo địa chỉ này).

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá**

**- Nhận bản giấy báo giá:**

Các đơn vị báo giá gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

**- Nhận bản scan màu qua email:** vattudknb@gmail.com.

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** trong vòng 15 ngày, kể từ thời điểm thư mời này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử (Website) của Bệnh viện.

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính tại thời điểm nhận bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua địa chỉ email nêu trên (thời điểm báo có thư đến), tùy thời điểm nào đến trước. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



**5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** tối thiểu 150 ngày, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

### **1. Danh mục thiết bị y tế**

| <b>Stt</b> | <b>Danh mục</b>                                | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn vị tính</b> |
|------------|--|-----------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng</b>      |                 |                    |
| 1          | Thiết bị hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng    | 01              | Hệ thống           |
| 2          | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng           | 01              | Bộ                 |
| <b>II</b>  | <b>Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu</b>   |                 |                    |
| 1          | Thiết bị hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu | 01              | Hệ thống           |
| 2          | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiết niệu        | 01              | Bộ                 |

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật của từng thiết bị: theo danh mục đính kèm.

*Ghi chú: các đơn vị có thể báo giá cho mục I, mục II hoặc toàn bộ các danh mục nêu trên; mỗi danh mục, các đơn vị có thể chào nhiều model, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cao thấp khác nhau (chi tiết giá theo từng mục 1, mục 2). Đề nghị các đơn vị cung cấp thông tin kỹ thuật bao gồm: Catalog, bản thông số kỹ thuật với đầy đủ nội dung: tên chung, tên thương mại; ký, mã, nhãn hiệu (model), hãng, năm sản xuất; tiêu chuẩn chất lượng, môi trường hoạt động; cấu hình; tính năng, thông số kỹ thuật chi tiết.*

### **2. Yêu cầu khác**

- Tình trạng: mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở đi.
- Thời gian giao hàng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng thiết bị tại Bệnh viện.
- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng cho các lỗi thuộc về nhà sản xuất. Trong thời gian bảo hành, thiết bị phải được bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 02 lần/ 12 tháng.
- Cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ hoặc tài liệu tương đương; bộ hồ sơ hải quan (gồm tờ khai, Bill, Packing list, invoice) (đối với hàng hóa nhập khẩu).
- Đối với trang thiết bị y tế:
  - + Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485.
  - + Có số lưu hành hoặc số đăng ký lưu hành hoặc giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế hoặc tài liệu tương đương; có kết quả phân loại trang thiết bị y tế về mức độ rủi ro theo quy định tại Nghị



định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

+ Trang thiết bị y tế thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Y tế công bố phải kiểm định về an toàn và tính năng kỹ thuật, Trang thiết bị y tế là phương tiện đo hoặc thiết bị bức xạ phải thực hiện kiểm định trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.


**3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:** Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:** theo quy định (hai bên thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng, nếu có).

Thanh toán: 100% giá trị hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn thành chứng từ thanh toán.

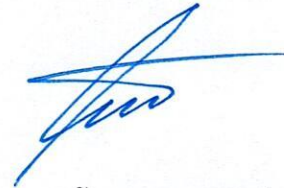
### **5. Các thông tin khác**

Các đơn vị báo giá theo mẫu áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng ĐD-CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Tuyên**



## DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

(Kèm theo Thư mời số /BVĐK-VTTBYT ngày tháng năm 2023  
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

| Stt      | Tên tài sản                                 | Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản  | Đơn vị   | Số lượng |
|----------|---|--|----------|----------|
| <b>I</b> | <b>Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng</b>   |  |          |          |
| 01       | Thiết bị hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng | <p>Chủng loại: trang thiết bị sử dụng trong phẫu thuật nội soi ổ bụng như: cắt ruột thừa, cắt dạ dày, cắt túi mật, mổ lấy sỏi đường mật qua nội soi...</p> <p><b>1. Cấu hình tối thiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xử lý hình ảnh: 01 cái</li> <li>- Đầu camera: 01 chiếc</li> <li>- Nguồn sáng (thiết kế độc lập hoặc kết hợp với bộ xử lý hình ảnh): 01 cái</li> <li>- Dây dẫn sáng: 02 chiếc</li> <li>- Màn hình: 01 cái</li> <li>- Máy bơm khí CO2: 01 cái</li> <li>- Dao mổ điện cao tần: 01 cái</li> <li>- Xe đẩy chuyên dụng: 01 chiếc</li> <li>- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm các thiết bị: 01 bộ</li> </ul> <p><b>3. Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản</b></p> <p>3.1. Bộ xử lý hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có độ phân giải Full HD (<math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel)</li> <li>- Có chức năng điều chỉnh độ sáng</li> <li>- Có thể kết nối với nội soi ống cứng, nội soi ống mềm</li> <li>- Khả năng kết nối ngoại vi: có chuẩn kết nối HD</li> </ul> <p>3.2. Đầu camera</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ với bộ xử lý hình ảnh nêu trên</li> <li>- Có độ phân giải Full HD (<math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel)</li> <li>- Có các nút bấm điều khiển trên đầu camera, có thể gán chương trình như điều khiển phóng đại và chỉnh nét</li> <li>- Đầu camera có thể ngâm tiệt trùng hoặc tiệt trùng nhiệt độ thấp</li> </ul> <p>3.3. Nguồn sáng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng bóng đèn công nghệ LED, tuổi thọ <math>\geq 30.000</math> giờ</li> <li>- Có chức năng điều chỉnh cường độ sáng, có chế độ Stand-by.</li> </ul> <p>3.4. Dây dẫn sáng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ với nguồn sáng nêu trên</li> <li>- Đường kính phù hợp với ống kính phẫu thuật nội soi ổ bụng</li> </ul> | Hệ thống | 01       |



|    |                                      |   |    |    |
|----|--------------------------------------|---|----|----|
|    |                                      | <p>3.5. Màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ hoặc tương thích hoàn toàn với Bộ xử lý hình ảnh nêu trên</li> <li>- Loại công nghệ LCD hoặc LED</li> <li>- Kích thước màn hình <math>\geq 25</math> inch</li> <li>- Độ phân giải: <math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel</li> <li>- Khả năng kết nối ngoại vi: có chuẩn kết nối HD</li> </ul> <p>3.6. Máy bơm khí CO2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chức năng đo đặc, điều khiển điện tử</li> <li>- Lưu lượng bơm: đến <math>\geq 40</math> lít/ phút</li> <li>- Áp lực bơm: đến <math>\geq 25</math> mmHg, có thể cài đặt được</li> <li>- Hệ thống an toàn: kiểm soát và báo động quá áp.</li> </ul> <p>3.7. Dao mổ điện cao tần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ít nhất các chức năng sau: đơn cực, lưỡng cực</li> <li>- Công suất: <math>\geq 300</math>W</li> <li>- Có cổng kết nối đơn cực và cổng kết nối lưỡng cực</li> </ul> <p>3.8. Xe đẩy chuyên dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ổ cắm điện cho các thiết bị nêu trên</li> <li>- Có vị trí để đầu camera</li> <li>- Có bộ đỡ và đai giữ cố định bình CO2</li> <li>- Có kệ đặt các thiết bị nêu trên</li> <li>- Có bánh xe, khóa hãm</li> </ul>  |    |    |
| 02 | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng | <p>Chủng loại: dụng cụ sử dụng trong phẫu thuật nội soi ổ bụng như: cắt ruột thừa, cắt dạ dày, cắt túi mật, mổ lấy sỏi đường mật qua nội soi....</p> <p><b>Yêu cầu về tính năng tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ, sử dụng tương thích với nhau và tương thích với hệ thống nội soi ổ bụng nêu trên. Bao gồm 40 chi tiết:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ống kính nội soi hướng nhìn 30 độ, đường kính khoảng 10 mm: 01 chiếc</li> <li>2. Vỏ trocar đường kính khoảng 11 mm: 02 chiếc</li> <li>3. Van trocar đường kính khoảng 11 mm: 02 chiếc</li> <li>4. Nòng trocar đầu tù đường kính khoảng 11 mm: 01 chiếc</li> <li>5. Nòng trocar đầu sắc đường kính khoảng 11 mm: 01 chiếc</li> <li>6. Vỏ trocar đường kính khoảng 6 mm: 01 chiếc</li> <li>7. Van trocar đa chức năng đường kính khoảng 6 mm: 01 chiếc</li> <li>8. Nòng trocar đầu sắc đường kính khoảng 6 mm: 01 chiếc</li> <li>9. Trocar đường kính khoảng 6 mm: 01 chiếc. Bao gồm 2 phần: Vỏ trocar và Nòng trocar</li> <li>10. Ống giảm, sử dụng cho dụng cụ đường kính khoảng 5 mm khi dùng với trocar đường kính khoảng 11 mm nêu trên: 01 chiếc</li> <li>11. Vỏ ngoài bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh, đường kính khoảng 5 mm: 01 chiếc</li> <li>12. Tay cầm bằng nhựa, không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực: 01 chiếc</li> <li>13. Tay cầm bằng nhựa, có khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực: 01 chiếc</li> </ol> | Bộ | 01 |



|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p>14. Lưỡi kéo cong phần hàm dụng cụ dài khoảng 20 mm, hoạt động kép, lưỡi có răng cưa, dạng thìa, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>15. Lưỡi kéo dạng móc phần hàm dụng cụ dài khoảng 10 mm, hoạt động đơn, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>16. Hàm forceps phần hàm dụng cụ dài khoảng 16 mm, hoạt động đơn, có nhiều răng nhỏ, có mở lỗ, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>17. Hàm forceps phần hàm dụng cụ dài khoảng 18 mm, hoạt động kép, có mở lỗ, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>18. Hàm forceps phần hàm dụng cụ dài khoảng 26 mm, hoạt động đơn, có mở lỗ, có răng cưa nhỏ mịn, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>19. Hàm forceps và phẫu tích: phần hàm dụng cụ dài khoảng 22 mm, hoạt động kép, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>20. Hàm forceps phần hàm dụng cụ dài khoảng 24 mm, hoạt động kép, có mở lỗ, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>21. Hàm forceps phần hàm dụng cụ dài khoảng 27 mm, hoạt động đơn, cong, có mở lỗ, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>22. Điện cực phẫu tích và cầm máu: đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>23. Kim kẹp kim hàm thẳng, tay cầm dạng báng súng, có khóa hãm, chốt nhả khóa, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>24. Kim kẹp kim hàm cong trái, tay cầm dạng báng súng, có khóa hãm, chốt nhả khóa, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>25. Ống tưới hút có lỗ bên hông, van khóa có thể điều khiển bằng một tay, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>26. Tay cầm dạng xỏ ngón tay, có chân cắm đốt điện lưỡng cực: 01 chiếc</p> <p>27. Vỏ ngoài cho dụng cụ lưỡng cực, đường kính khoảng khoảng 5mm: 01 chiếc</p> <p>28. Vỏ trong cho dụng cụ lưỡng cực, đường kính khoảng khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>29. Hàm kẹp lưỡng cực: hàm bản rộng khoảng 3 mm, cỡ khoảng 5 mm: 01 chiếc</p> <p>30. Tay cầm kim kẹp clip có khóa giữ clip: 01 chiếc</p> <p>31. Vỏ ngoài kim kẹp clip đường kính khoảng 10 mm: 01 chiếc</p> <p>32. Hàm kẹp clip dùng cho Clip cầm máu cỡ trung bình lớn, cỡ khoảng 10mm: 01 chiếc</p> <p>33. Clip cầm máu cỡ trung bình lớn: 01 chiếc</p> <p>34. Kim kẹp clip cầm máu Vasoclip cỡ XL, đường kính vỏ khoảng 10 - 11mm, tiết trùng được ở nhiệt độ cao: 01 chiếc</p> <p>35. Clip cầm máu Vasoclip cỡ XL. Làm từ nhựa polymer không bị hấp thu hoặc tương đương. Không trượt gãy, biến dạng, ít gây tổn thương. Dùng cho mạch máu cỡ khoảng 07 - 16 mm: 01 chiếc</p> <p>36. Dây cao tần đơn cực, chân cắm khoảng 4 mm: 01 chiếc</p> <p>37. Dây cao tần lưỡng cực, chân cắm đôi cỡ khoảng 4 mm: 01 chiếc</p> <p>38. Nút cao su đầu trocar khoảng 11 mm: 01 chiếc</p> <p>39. Nút cao su đầu trocar khoảng 6 mm: 01 chiếc</p> <p>40. Dầu tra dụng cụ <math>\geq 50</math> ml, không chứa silicone: 01 lọ</p> |  |
|--|--|--|



|    |  |  |          |    |
|----|--|--|----------|----|
| II | <b>Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu</b>   |  |          |    |
| 1  | Thiết bị hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu | <p>Chủng loại: trang thiết bị sử dụng trong phẫu thuật nội soi tiết niệu như: cắt u xơ tiền liệt tuyến, nội soi tán sỏi niệu quản.....</p> <p><b>1. Cấu hình tối thiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xử lý hình ảnh: 01 cái</li> <li>- Đầu camera: 01 chiếc</li> <li>- Nguồn sáng (thiết kế độc lập hoặc kết hợp với bộ xử lý hình ảnh): 01 cái</li> <li>- Dây dẫn sáng: 02 chiếc</li> <li>- Màn hình: 01 cái</li> <li>- Máy bơm khí CO2: 01 cái</li> <li>- Dao mổ điện cao tần: 01 cái</li> <li>- Xe đẩy chuyên dụng: 01 chiếc</li> <li>- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm các thiết bị: 01 bộ</li> </ul> <p><b>3. Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản</b></p> <p>3.1. Bộ xử lý hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có độ phân giải Full HD (<math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel)</li> <li>- Có chức năng điều chỉnh độ sáng</li> <li>- Có thể kết nối với nội soi ống cứng, nội soi ống mềm</li> <li>- Khả năng kết nối ngoại vi: có chuẩn kết nối HD</li> </ul> <p>3.2. Đầu camera</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ với bộ xử lý hình ảnh nêu trên</li> <li>- Có độ phân giải Full HD (<math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel)</li> <li>- Có các nút bấm điều khiển trên đầu camera, có thể gán chương trình như điều khiển phóng đại và chỉnh nét</li> <li>- Đầu camera có thể ngâm tiết trùng hoặc tiết trùng nhiệt độ thấp</li> </ul> <p>3.3. Nguồn sáng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng bóng đèn công nghệ LED, tuổi thọ <math>\geq 30.000</math> giờ</li> <li>- Có chức năng điều chỉnh cường độ sáng, có chế độ Stand-by.</li> </ul> <p>3.4. Dây dẫn sáng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ với nguồn sáng nêu trên</li> <li>- Đường kính phù hợp với ống kính phẫu thuật nội soi ổ bụng</li> </ul> <p>3.5. Màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ hoặc tương thích hoàn toàn với Bộ xử lý hình ảnh nêu trên</li> <li>- Loại công nghệ LCD hoặc LED</li> <li>- Kích thước màn hình <math>\geq 25</math> inch</li> <li>- Độ phân giải: <math>\geq 1920 \times 1080</math> pixel</li> <li>- Khả năng kết nối ngoại vi: có chuẩn kết nối HD</li> </ul> <p>3.6. Máy bơm khí CO2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chức năng đo đạc/điều khiển điện tử</li> </ul> | Hệ thống | 01 |



|   |   |   |    |    |
|---|---|---|----|----|
|   |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng bơm: đến <math>\geq 40</math> lít/ phút,</li> <li>- Áp lực bơm: đến <math>\geq 25</math> mmHg, có thể cài đặt được</li> <li>- Hệ thống an toàn: kiểm soát và báo động quá áp.</li> </ul> <p>3.7. Dao mổ điện cao tần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ít nhất các chức năng sau: đơn cực, lưỡng cực</li> <li>- Có chức năng cắt đốt trong môi trường nước muối</li> <li>- Công suất: <math>\geq 400w</math></li> <li>- Có cổng kết nối đơn cực và cổng kết nối lưỡng cực</li> </ul> <p>3.8. Xe đẩy chuyên dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ổ cắm điện cho các thiết bị nêu trên</li> <li>- Có vị trí để đầu camera</li> <li>- Có bộ đỡ và đai giữ cố định bình CO2</li> <li>- Có kệ đặt các thiết bị nêu trên</li> <li>- Có bánh xe, khóa hãm</li> </ul>  |    |    |
| 2 | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiết niệu | <p>Chủng loại: dụng cụ sử dụng trong phẫu thuật nội soi tiết niệu như: cắt u xơ tiền liệt tuyến, nội soi tán sỏi niệu quản.....</p> <p><b>Yêu cầu về tính năng tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bộ, sử dụng tương thích với nhau và tương thích với hệ thống nội soi tiết niệu nêu trên. Bao gồm 15 chi tiết:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ống kính nội soi hướng nhìn 30 độ, đường kính khoảng 5 mm: 01 chiếc</li> <li>2. Vỏ đặt ống soi cắt loại xoay được, bao gồm vỏ ngoài và vỏ trong, đường kính khoảng 24 - 26 Fr, có 2 đường dịch vào và ra, vỏ trong xoay quanh vỏ ngoài: 01 chiếc</li> <li>3. Đầu bít có chức năng nong niệu đạo sử dụng với vỏ đặt ống soi đường kính khoảng 24 - 26 Fr: 01 chiếc</li> <li>4. Tay cắt đốt u xơ bằng lưỡng cực: 01 chiếc</li> <li>5. Dây cáp cao tần lưỡng cực dùng cho cắt đốt u xơ: 02 chiếc</li> <li>6. Điện cực đốt bốc hơi dùng với vỏ đường kính khoảng 24 - 26 Fr: 03 chiếc</li> <li>7. Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng dùng với vỏ đường kính khoảng 24 - 26 Fr: 05 chiếc</li> <li>8. Điện cực cắt đốt đơn cực hình mũi nhọn dùng với vỏ đường kính khoảng 24 - 26 Fr: 02 chiếc</li> <li>9. Điện cực cầm máu dạng bánh xe dùng với vỏ đường kính khoảng 24 - 26 Fr: 02 chiếc</li> <li>10. Xilanh dung tích <math>\geq 150</math> ml, kèm theo một khớp nối với vỏ ngoài: 01 chiếc.</li> <li>11. Vỏ soi bàng quang đường kính khoảng 19 Fr: 01 chiếc</li> <li>12. Đầu nối 2 kênh dụng cụ: 01 chiếc</li> <li>13. Kim gấp dị vật loại dùng với kính soi: 01 chiếc</li> <li>14. Kim sinh thiết các cỡ, chiều dài khoảng 37 cm: 01 chiếc</li> <li>15. Hộp bảo quản và tiệt trùng dụng cụ có thể hấp bằng hơi nước hoặc tiệt trùng ở nhiệt độ thấp, có nắp đậy, kích thước phù hợp với bộ dụng cụ nêu trên.</li> </ol> | Bộ | 01 |